

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 26/2026/DS-PT

Ngày: 14 - 01 - 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 602/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 588/2025/QĐXX-PT ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Song H, sinh năm: 1988; CCCD số: 096088011265; địa chỉ cư trú: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, nay là phường G, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đại T, sinh năm: 1983; CCCD: 095083000794; địa chỉ cư trú: Số D, đường H, khóm G, phường B, Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4; địa chỉ: Số A, đường N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nay là khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức T1, sinh năm: 1977; CCCD số: 094077013025; chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Ngọc N – Luật sư của Chi nhánh Văn phòng L tại Bạc Liêu; địa chỉ: Số C, đường T, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4; địa chỉ: Số I, đường số E, khu C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Trần Đức T1, sinh năm: 1977; CCCD số: 094077013025; địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nay là khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Trần Bé T2, sinh năm: 1992; CCCD số: 091092003547; địa chỉ cư trú: Số F, Tổ E, ấp K, xã H, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Trước đây, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 (gọi tắt là Công ty T4) với Công ty TNHH X (gọi tắt Công ty X) trực tiếp giao dịch mua bán dầu nhớt xe ô tô với nhau. Sau đó, Công ty X giới thiệu về cho đại lý của Công ty X là ông Trần Song H ở Bạc Liêu trực tiếp giao dịch mua bán dầu nhớt với Công ty T4.

Ngày 05/9/2022, ông Trần Song H giao hàng cho Công ty T4 gồm: 05 phuy Komatsu VG 68, tổng số tiền 51.850.000 đồng; 03 phuy Komatsu CF4-50, tổng số tiền 39.660.000 đồng; 02 phuy Komatsu C, tổng số tiền 28.920.000 đồng theo phiếu giao hàng lập ngày 05/9/2022 có chữ ký của ông Trần Bé T2 và đóng dấu mộc của Chi nhánh Công ty T4 tại mục khách hàng chưa thanh toán. Trên phiếu giao hàng ghi nhận: “*Công nợ 30 ngày thanh toán, ngày 05/10/2022 thanh toán tổng nợ là 120.430.000 đồng*”. Địa điểm giao hàng tại nhà xe của Công ty T4, khi đó không có mặt ông T1 chỉ có người quản lý của Công ty là ông Trần Bé T2 ký chốt nợ và bộ phận Văn phòng đã đóng dấu mộc của Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 lên phiếu giao hàng.

Đến ngày 05/10/2022 Công ty T4 không thanh toán, ông H liên hệ trực tiếp với nhà xe và liên hệ với ông Trần Đức T1 được xác định Công ty đang gặp khó khăn nên chưa thanh toán và đề nghị gia hạn nhiều lần nhưng vẫn không thanh toán. Ông Trần Song H khởi kiện yêu cầu Công ty T4 thanh toán trả tổng số tiền 155.951.350 đồng (trong đó, tiền mua hàng là 120.430.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10% tính từ ngày 06/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2025 là 35.521.350 đồng).

Bị đơn trình bày: Công ty T4 không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do, giữa Công ty T4 với ông Trần Song H cũng như Công ty X không có giao dịch mua bán với nhau. Đối với phiếu giao hàng ngày 05/9/2022 ông H khởi kiện, ông Trần Đức T1 xác định Chi nhánh Công ty T4 không có đơn đặt hàng, không có nhận hàng, không có ký hợp đồng mua bán nên không đồng ý phiếu giao hàng này. Công ty không có ủy quyền cho ông Trần Bé T2 mua hàng hay thay mặt Công ty nhận hàng của ông H. Đối với dấu mộc của Chi nhánh Công ty trên phiếu giao hàng thấy tên Chi nhánh Công ty là đúng, còn dấu có đúng của Chi nhánh hay không thì ông không xác định được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bé T2 trình bày: Ngày 05/9/2022 có người tên T3 xưng nhân viên tiếp thị của Công ty X đến gặp ông chào hàng. Ông T2 có đặt mua 05 phuy nhớt Komatsu VG 68; 03 phuy nhớt Komatsu CF4-50; 02 phuy nhớt Komatsu CI4-50, tổng giá trị đơn hàng 120.430.000 đồng. Nhân viên công ty X ghi thông tin đặt hàng nêu trên vào phiếu giao hàng ngày 05/9/2022, ông

T2 có ký và đóng dấu để xác nhận là người đặt mua chưa thanh toán. Việc thanh toán chỉ thực hiện ngay khi nhận được hàng. Nếu nhận hàng mà chưa thanh toán, người nhận hàng sẽ ký nợ vào sổ tay công nợ của người giao hàng và phiếu giao hàng này phải giao cho người mua hàng giữ để người mua kiểm tra hàng. Sau khi đặt hàng, không thấy phía Công ty X giao hàng, ông T2 có liên hệ với người tiếp thị nhưng không được nên thông tin đặt hàng trên phiếu giao hàng ngày 05/9/2022 không được thực hiện. Ông T2 không biết ông H là ai vì ông đặt hàng của ông T3, không phải của ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau áp dụng các Điều 357, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự; quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Song H. Buộc Công ty TNHH T4 có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Song H tổng số tiền 155.951.350 đồng (trong đó, tiền mua hàng là 120.430.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 35.521.350 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2025, bị đơn Công ty TNHH T4 kháng cáo, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty T4; giữ nguyên Bản án dân sự số: 71/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4, thấy rằng: Mặc dù giao dịch mua bán hàng hóa giữa ông Trần Song H với Công ty T4 không thực hiện được đầy đủ, rõ ràng về thủ tục, giấy tờ như Hợp đồng mua bán; Phiếu xuất, nhập kho, giao nhận hàng hóa ... Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 05/9/2022, ông Trần Song H lập Phiếu giao hàng đối với lô dầu nhớt giao cho Công ty T4, trong đó ghi đầy đủ tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, tổng giá trị 120.430.000 đồng. Phiếu giao hàng có chữ ký của ông Trần Bé T2 tại mục “khách hàng chưa thanh toán” và được đóng dấu Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4. Trên Phiếu giao hàng còn thể hiện rõ nội dung “công nợ 30 ngày thanh toán,

ngày 5 tháng 10 thanh toán công nợ”. Đây là chứng cứ bằng văn bản thể hiện việc các bên đã thống nhất về việc giao nhận hàng hóa, giá trị thanh toán và thời hạn thanh toán tiền hàng.

Bị đơn và người liên quan cho rằng Phiếu giao hàng ngày 05/9/2022 chỉ là phiếu đặt hàng, Công ty chưa nhận hàng và ông Trần Bé T2 không được ủy quyền nhận hàng nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đồng thời, việc ông Trần Bé T2 ký tên và đóng dấu Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 vào Phiếu giao hàng thể hiện rõ việc xác nhận công nợ phát sinh sau khi giao hàng. Lời khai của ông Trần Bé T2 cho rằng chưa nhận hàng là mâu thuẫn với nội dung Phiếu giao hàng do chính ông ký xác nhận nên không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Mặt khác, theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 hoạt động theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4. Do đó, các giao dịch phát sinh tại Chi nhánh làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4.

Ngoài ra, hồ sơ vụ án còn thể hiện giữa các bên đã có giao dịch mua bán trước đó vào ngày 11/5/2022 với hình thức, quy trình tương tự và giao dịch này đã được Công ty T4 thanh toán đầy đủ có xác nhận của Công ty X. Ông H có tài liệu chứng minh có việc nhắn tin Zalo yêu cầu thanh toán nợ được ông T1 thừa nhận kế toán đang hỏi nguồn thu. Điều này cho thấy việc giao dịch mua bán dầu nhớt giữa ông H và Công ty T4 ngày 05/9/2022 là có diễn ra thực tế phù hợp với thông lệ giao dịch giữa các bên như trình bày của ông H. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc Công ty T4 thanh toán cho ông H 120.430.000 đồng nợ tiền mua hàng chưa trả là có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán, do các bên không có thỏa thuận về lãi suất, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự để buộc bị đơn thanh toán tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

2. Áp dụng các Điều 357, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Song H đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Song H tổng số tiền 155.951.350 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm năm mươi một nghìn ba trăm năm mươi đồng). Trong đó, tiền mua hàng hóa là 120.430.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 35.521.350 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi một nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Căn cứ các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 phải nộp 7.797.568 đồng (Bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng). Ông Trần Song H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.688.000 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000144 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/10/2025 Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 có dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001985 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6-Cà Mau;
- TAND khu vực 6-Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân